

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 10 - 01 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sơn Ngọc Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Phạm Hồng Ân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bé N1, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương Vũ N2, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm 7, thị t, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2021, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Bé N1 trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2004, bà Nguyễn Bé N1 và ông Trương Vũ N2 chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà và ông N2 thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan

điểm, xúc phạm lẫn nhau. Bà xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông N2. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông N2, nay bà N1 yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trương Vũ N2.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Nguyễn H1, sinh ngày 16/4/2007 và Trương Nguyễn Gia H2, sinh ngày 31/7/2013. Hiện nay hai người con chung đang chung sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con, bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn nên việc đi lại khó khăn, bà Nguyễn Bé N1 xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Ông Trương Vũ N2 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông N2 vẫn không tham gia tố tụng.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Bé N1 ly hôn với ông Trương Vũ N2; Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Nguyễn H1, sinh ngày 16/4/2007 và Trương Nguyễn Gia H2, sinh ngày 31/7/2013. Từ trước đến nay hai người con chung vẫn chung sống với bà N1, bà N1 yêu cầu nuôi cả hai người con nhưng ông N2 không có ý kiến gì nên tiếp tục giao cho bà N1 nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N2 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông N2 không cung cấp chứng cứ gì, ông N2 vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà Nguyễn Bé N1 xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2004, bà Nguyễn Bé N1 và ông Trương Vũ N2 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống bà N1 và ông N2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, xúc phạm lẫn nhau. Bà Nguyễn Bé N1 xác định không còn tình cảm dành cho ông Trương Vũ N2. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Bé N1 và ông Trương Vũ N2 đã trong tình trạng trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn được. Ông N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông N2 không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Xét cho bà Nguyễn Bé N1 ly hôn với ông Trương Vũ N2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Nguyễn H1, sinh ngày 16/4/2007 và Trương Nguyễn Gia H2, sinh ngày 31/7/2013. Để đảm bảo sự phát triển bình thường cho hai cháu và từ trước đến nay cháu Trương Nguyễn H1 và Trương Nguyễn Gia H2 vẫn chung sống với bà N1, bà N1 yêu cầu nuôi cả hai người con nhưng ông N2 không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì, mặc khác hai cháu Trương Nguyễn H1 và Trương Nguyễn Gia H2 có nguyện vọng sống chung cùng với bà N1 nên tiếp tục giao hai người con cho bà N1 nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N1 không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Bé N1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Bé N1 ly hôn với ông Trương Vũ N2.

2. Về con chung: Giao Trương Nguyễn H1, sinh ngày 16/4/2007 và Trương Nguyễn Gia H2, sinh ngày 31/7/2013 cho bà Nguyễn Bé N1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Vũ N2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Vũ N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Bé N1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Bé N1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0012373 ngày 10/5/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND thị trấn,
- huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**